

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1080 /NPT-ĐTXD

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2009

V/v hướng dẫn điều chỉnh dự toán
công trình XD CB chuyên ngành lưới
điện theo TT 05/2009/TT-BXD.

Kính gửi: Các đơn vị trong Tổng công ty

Ngày 10/10/2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2008/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động, tiếp theo Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15/4/2009 hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình và Bộ Công Thương có văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản chuyên ngành điện theo Thông tư 05/2009/TT-BXD.

Kèm theo công văn này, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia sao gửi Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng, văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương để các đơn vị biết và thực hiện, riêng đối với bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng công trình lưới điện Tổng công ty có hướng dẫn chi tiết như phụ lục kèm theo.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì đề nghị các đơn vị phản ánh về Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV-NPT (để b/c);
- Bộ Công thương (để b/c);
- EVN (để b/c);
- Các Phó TGĐ (để c/d);
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1; 2; 3; 4 (p/h);
- Viện Năng lượng (p/h);
- Các Ban: KH, KT, VT&CNTT,
TCKT, TTBV&PC;
- Lưu: VP, ĐTXD. ph

TỔNG GIÁM ĐỐC



- F_1 : Các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo tiền lương tối thiểu mà chưa được tính hoặc chưa tính đủ trong các bộ đơn giá XDCB.
- F_2 : Các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo tiền lương cấp bậc mà chưa được tính hoặc chưa tính đủ trong các bộ đơn giá XDCB.
- h_{1n} : Hệ số biểu thị quan hệ giữa chi phí nhân công trong đơn giá so với tiền lương tối thiểu của nhóm lương thứ n theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004:
Nhóm I: $h_{1,1} = 3,167$; Nhóm II: $h_{1,2} = 3,363$; Nhóm III: $h_{1,3} = 3,709$
- h_{2n} : Hệ số biểu thị quan hệ giữa chi phí nhân công trong đơn giá so với tiền lương cấp bậc của nhóm lương thứ n theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004:
Nhóm I: $h_{2,1} = 1,345$; Nhóm II: $h_{2,2} = 1,340$; Nhóm III: $h_{2,3} = 1,332$
- K^{DC}_{NC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công theo hướng dẫn tại văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 của Bộ Công Thương.
- K^{DC}_{MTC} : Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công theo hướng dẫn tại văn bản số 4041/BCT-NL ngày 06/5/2009 của Bộ Công Thương.
- P : Định mức tỷ lệ chi phí chung (%) theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 kèm theo công văn số 421/NPT-ĐTXD ngày 14/8/2008 của NPT và Bảng 2.4 thuộc Phụ lục số 2 của Thông tư 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007.
- TL : Thu nhập chịu thuế tính trước. Định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước (%) theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1 kèm theo công văn số 421/NPT-ĐTXD ngày 14/8/2008 của NPT và Bảng 2.4 thuộc Phụ lục số 2 của Thông tư 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007.
- G : Giá trị dự toán xây dựng công trình chính, phụ trợ, tạm phục vụ thi công sau thuế.
- CL_{nh} : Chênh lệch vật liệu nhập ngoại so với giá trị vật liệu tính trong dự toán (nếu có).
- p_i : Khối lượng vật tư nhập ngoại chủng loại (i).
- Δ_{ivtnh} : Mức chênh lệch giá vật tư nhập ngoại chủng loại (i).
- T^{XD}_{GTGT} : Mức thuế suất thuế giá trị gia tăng quy định cho công tác xây dựng.
- G_{XDLT} : Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.
- Z : Giá thành dự toán xây dựng.
- $GTGT$: Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu ra (gồm thuế giá trị gia tăng đầu vào để trả khi mua các loại vật tư, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng... và phần thuế giá trị gia tăng mà doanh nghiệp xây dựng phải nộp).

Phụ lục
(Ban hành kèm theo văn bản số 1080/NPT-ĐTXD ngày 08 tháng 5 năm 2009)

**QUY ĐỊNH DANH MỤC CÁC ĐỊA BÀN
ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG
THEO NGHỊ SỐ 110/2008/NĐ-CP NGÀY 10/10/2008 CỦA CHÍNH PHỦ**

1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và thành phố Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội;
- Các quận thuộc thành phố Hồ Chí Minh;

2. Vùng II, gồm các địa bàn:

- Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và thành phố Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;
- Các huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh;
- Các quận và các huyện Thủy Nguyên, An Dương thuộc thành phố Hải Phòng;
- Các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng;
- Các quận Ninh Kiều, Bình Thủy thuộc thành phố Cần Thơ;
- Thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu và huyện Tân Thành thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Vùng III, gồm các địa bàn:

- Các thành phố trực thuộc tỉnh (trừ các thành phố thuộc tỉnh nêu tại vùng II);
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;
- Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh;
- Thành phố Bắc Giang và các huyện Việt Yên, Yên Dũng thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Thị xã Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;
- Thành phố Hải Dương và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Chí Linh, Kim Thành, Kinh Môn thuộc tỉnh Hải Dương;
- Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;
- Thành phố Móng Cái, các thị xã Uông Bí, Cẩm Phả thuộc tỉnh Quảng Ninh;
- Thành phố Đà Lạt, thị xã Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng;
- Thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hoà;
- Huyện Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Bình Dương;
- Các huyện còn lại thuộc tỉnh Đồng Nai;
- Thị xã Tân An và các huyện Đức Hoà, Bến Lức, Cần Đước thuộc tỉnh Long An;
- Các quận, huyện còn lại thuộc thành phố Cần Thơ;
- Thị xã Bà Rịa và các huyện Châu Đức, Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Vùng IV, gồm các địa bàn còn lại.